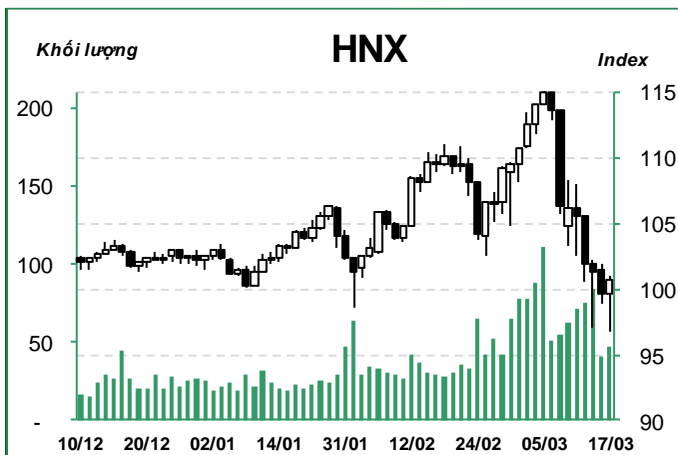
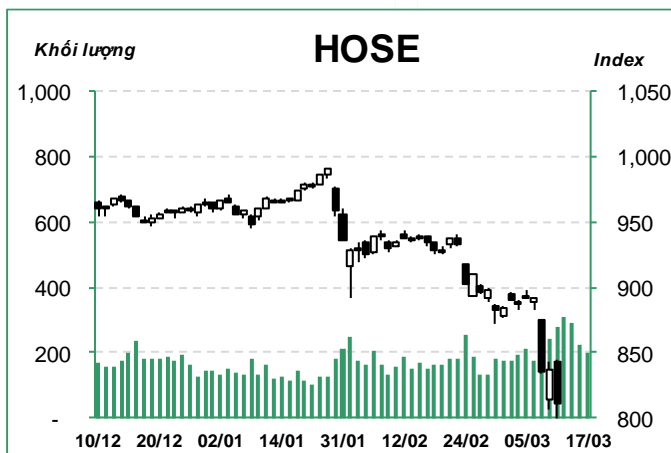


Tổng quan thị trường

17/03/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	745.78	-0.28%	699.73	0.22%	100.72	1.10%
Cuối tuần trước	761.78	-2.10%	716.65	-2.36%	101.38	-0.65%
Trung bình 20 ngày	854.49	-12.72%	808.19	-13.42%	107.34	-6.16%
Tổng KLGD (triệu cp)	287.28	-1.70%	114.50	5.98%	52.78	28.02%
KLGD khớp lệnh	202.42	-9.14%	80.44	8.66%	47.44	16.54%
Trung bình 20 ngày	212.38	-4.69%	75.39	6.70%	63.50	-25.29%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	4,378.29	-4.27%	2,672.33	1.37%	538.91	26.05%
GTGD khớp lệnh	3,082.10	-1.40%	2,051.83	7.96%	497.24	17.95%
Trung bình 20 ngày	3,313.90	-6.99%	2,066.51	-0.71%	701.35	-29.10%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	211	50%	19	63%	81	22%
Số mã giảm	154	36%	10	33%	68	18%
Số mã đứng giá	60	14%	1	3%	220	60%



Việc chứng khoán Mỹ có phiên giảm điểm tồi tệ đêm qua đã ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư ngay khi thị trường mở cửa. Chỉ số VN-Index có lúc giảm sâu đến 26 điểm. Tuy nhiên, lực cầu bắt đáy xuất hiện và lan tỏa ở một vài nhóm ngành, đặc biệt là ngân hàng và chứng khoán giúp đà giảm của chỉ số VN-Index dần thu hẹp.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 745.78 điểm (-0.28%), với KLGD khớp lệnh đạt 202.4 triệu cổ phiếu (-9.1%), tương đương 3,082 tỷ đồng giá trị (-1.4%). Độ rộng thị trường có phần nghiêng về bên mua với 211 mã tăng điểm so với 154 mã giảm.

Nhóm ngân hàng là động lực chính cho sự hồi phục của VN-Index hôm nay với các cổ phiếu tăng điểm tích cực như BIDV-BID (+3.0%), Vietinbank-CTG (+2.4%), Techcombank-TCB (+2.9%), Vietcombank-VCB (+0.6%),... Bên cạnh đó, nhóm dầu khí Petrolimex-PLX (+6.9%), PV Gas-GAS (+0.8%), cũng đang trên đà phục hồi kể từ phiên cuối tuần trước. Ngoài ra, nhóm chứng khoán có diễn biến khá quan khi cả Chứng khoán SSI-SSI (+6.8%), Chứng khoán TPHCM-HCM (+6.8%) đồng loạt đóng cửa với giá trần. Ở chiều ngược lại, các cổ phiếu họ Vingroup Vingroup-VIC (-4.3%), Vinhomes-VHM (-2.6%), Vincom Retail-VRE (-6.8%) cùng với Sabeco-SAB (-5.9%), Vinamilk-VNM (-1.0%) gây áp lực khiến VN-Index không thể đóng cửa trong sắc xanh.

Khối ngoại gia tăng bán ròng trên sàn HOSE, đạt giá trị 514.7 tỷ đồng (+33.9%). Trong đó, Masan-MSN (-102.6 tỷ), Vinamilk-VNM (-67.0 tỷ), Hòa Phát-HPG (-51.9 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất. Ngược lại, khối ngoại không mua ròng cổ phiếu nào với giá trị đáng kể. Vietcombank-VCB

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
TCB	10,536.1	186.46
EIB	10,345.0	176.90
GAB	1,230.0	171.42
VPB	3,657.4	73.40
GEX	2,875.8	38.09
ITA	17,406.0	36.19
VNM	374.5	36.00
KDH	1,691.3	34.42
HDB	1,413.9	30.68
SAM	3,180.0	28.78
HNX		
VIX	2,900.0	15.95
VC3	755.0	11.48
OCH	800.0	5.20
ACB	205.2	4.10
SED	90.0	1.43
BVS	145.1	1.12
HKT	281.5	0.96
NTP	25.0	0.61
DBT	52.6	0.43
SMN	16.0	0.14

(+8.0 tỷ), FPT-FPT (+5.3 tỷ), Cao su Phước Hòa-PHR (+1.1 tỷ) là những mã được mua ròng nhiều nhất.

Trên sàn Hà Nội, chỉ số HNX-Index có diễn biến tích cực hơn khi đóng cửa trong sắc xanh tại mức 100.72 điểm (+1.10%). KLGĐ khớp lệnh đạt 47.4 triệu cổ phiếu (+16.5%), tương đương 497.2 tỷ đồng giá trị (+17.9%).

Trong đó, nhóm ngân hàng, dầu khí và chứng khoán cũng có diễn biến khởi sắc khi Ngân hàng SHB-SHB (+2.7%), Ngân hàng Á Châu-ACB (+1.0%), Dầu khí PTSC-PVS (+2.8%), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+7.7%) đóng góp giúp HNX-Index tăng điểm. Trái lại, Bảo hiểm PVI-PVI (-4.0%), Idico-IDC (-2.3%), Sonadezi Long Bình-SZB (-6.7%) gây áp lực cho chỉ số.

Khối ngoại bán ròng với giá trị 12.3 tỷ đồng (+10.4%) trên sàn Hà Nội. Với Dầu khí PTSC-PVS (-7.3 tỷ), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (-2.7 tỷ), Đầu tư Thăng Long-TIG (-1.1 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng. Trong khi đó, Chứng khoán Bảo Việt-BVS (+0.4 tỷ), Hóa chất Lâm Thao-LAS (+0.2 tỷ), Bến xe Miền Tây-WCS (+0.2 tỷ) được mua ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm thứ năm liên tiếp. Khối lượng giao dịch tiếp tục duy trì dưới mức bình quân 10 phiên, hàm ý áp lực bán có phần suy yếu. Không những vậy, độ rộng thị trường đang nghiêng về phía mã tăng, kèm theo RSI rơi sâu trong vùng quá bán 12, cho thấy chỉ số có thể sớm xuất hiện nhịp hồi kỹ thuật trong những phiên tới, hướng trở lại lấp vùng Gap của phiên 12/3, tương ứng ngưỡng kháng cự tâm lý 800 điểm. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng, chỉ số đang nằm trong xu hướng giảm khá mạnh, khi chỉ số duy trì đóng cửa dưới MA20 và chũm MA5,10,20 phân kỳ âm tiêu cực với độ dốc lớn. Do đó, nhà đầu tư nên quan sát thận trọng thị trường và cân nhắc tận dụng các nhịp hồi kỹ thuật để hạ tỷ trọng về mức an toàn. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến trái chiều. Mặc dù, chỉ số có phiên tăng điểm trở lại nhưng vẫn nằm dưới hầu hết các đường MA quan trọng từ MA5 tới MA200, cho thấy xu hướng chính vẫn là giảm điểm. Phiên tăng điểm vừa qua có thể chỉ nằm trong nhịp hồi kỹ thuật hướng tới vùng kháng cự 104.3 điểm (MA200). Nhìn chung, thị trường đang nằm trong xu hướng giảm. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn cho rằng, thị trường đang rơi vào trạng thái quá bán, do đó, thị trường có thể sớm xuất hiện nhịp hồi kỹ thuật trong những phiên tới. Vì vậy, nhà đầu tư chịu được rủi ro cao có thể cân nhắc thực hiện chiến lược mua lướt sóng với tỷ trọng nhỏ tại các cổ phiếu cơ bản bị quá bán.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TEG	3.2	2.0	7.0%
DQC	16.9	76.5	7.0%
CMV	13.8	0.0	7.0%
D2D	49.2	200.2	7.0%
VPS	10.6	0.1	7.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HID	2.8	356.1	-7.0%
YEG	65.1	14.4	-7.0%
GSP	9.7	7.8	-7.0%
PTL	3.2	3.3	-7.0%
GDT	22.7	44.8	-7.0%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MSN	49.5	190.4	0.0%
VNM	96.0	170.9	-1.0%
CTG	21.0	159.6	2.4%
MBB	16.7	150.8	1.5%
VPB	21.5	124.9	2.6%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FLC	3.8	13,330.8	4.2%
DLG	1.8	11,972.1	6.5%
MBB	16.7	9,350.2	1.5%
STB	10.2	8,611.4	2.1%
CTG	21.0	7,946.1	2.4%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HKB	0.7	264.5	16.7%
DBT	9.9	2.9	10.0%
S55	22.0	56.0	10.0%
PMS	12.1	1.2	10.0%
L14	49.1	161.9	9.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PVX	0.8	737.0	-11.1%
SPI	0.8	72.2	-11.1%
BXH	14.5	1.0	-9.9%
VC7	6.4	3.0	-9.9%
CAN	22.9	0.3	-9.8%

Top 5 giá trị

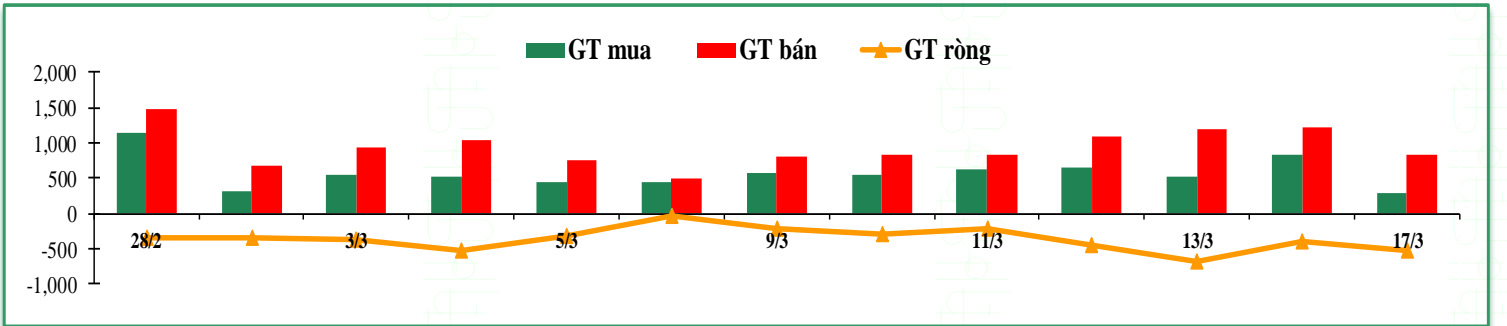
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	21.1	136.3	1.0%
SHB	11.3	134.6	2.7%
PVS	11.1	31.3	2.8%
NVB	8.8	31.0	2.3%
MBG	11.5	27.3	-1.7%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	11.3	12,201.3	2.7%
ACB	21.1	6,568.1	1.0%
NVB	8.8	3,665.8	2.3%
KLF	1.9	3,077.2	5.6%
PVS	11.1	2,942.8	2.8%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	292.4	9.5%	807.2	26.2%	-514.7
HNX	6.6	1.3%	19.0	3.8%	-12.3
Tổng số	299.0		826.1		-527.1



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	96.0	71.3	-1.0%
VCB	67.5	34.6	0.6%
TCB	18.0	16.4	2.9%
FPT	48.5	15.2	1.9%
VPB	21.5	13.2	2.6%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	96.0	138.3	-1.0%
MSN	49.5	115.0	0.0%
HPG	19.2	55.2	0.5%
VHM	69.9	52.1	-2.7%
VIC	88.5	37.6	-4.3%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCB	67.5	8.0	0.6%
FPT	48.5	5.3	1.9%
PHR	42.3	1.1	1.9%
ITA	2.1	0.9	2.9%
TDM	19.1	0.8	0.5%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TIG	5.3	3.5	-1.9%
BVS	8.8	1.6	3.5%
PVS	11.1	0.3	2.8%
LAS	5.6	0.2	1.8%
WCS	160.5	0.2	-2.2%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	11.1	7.6	2.8%
TIG	5.3	4.6	-1.9%
SHS	7.0	2.7	7.7%
BVS	8.8	1.2	3.5%
S55	22.0	1.0	10.0%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
BVS	8.8	0.4	3.5%
LAS	5.6	0.2	1.8%
WCS	160.5	0.2	-2.2%
VCS	53.9	0.1	0.8%
EID	11.3	0.1	-1.7%

Tin trong nước

Sẽ giảm một số loại giá dịch vụ chứng khoán ngay trong tuần này

Bộ Tài chính đã đồng ý về mặt chủ trương sẽ giảm giá một số loại giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán. Trước trước mắt sẽ cho điều chỉnh ngay 4 loại giá dịch vụ giao dịch chứng khoán phái sinh tại VSD. Văn bản này sẽ được ban hành trong tuần này và có hiệu lực ngay.

Theo ông Trần Văn Dũng, theo phản ánh của thành viên thị trường cho rằng một số quy định giá dịch vụ áp dụng cho TTCK phái sinh đang ở mức cao. Theo chức năng nhiệm vụ, việc xem xét sửa đổi Thông tư 127/2016/TT-BTC sẽ do Cục Quản lý giá chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, rà soát, đánh giá các khoản thu để trình bộ xem xét, quyết định trong trường hợp cần thiết phải sửa đổi, bổ sung. Tuy nhiên, trong điều kiện cần có giải pháp chính sách kịp thời để hỗ trợ thành viên thị trường và nhà đầu tư đối phó với ảnh hưởng của dịch Covid-19, UBCKNN đã trao đổi thống nhất với hai Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đã trình Lãnh đạo Bộ Tài chính cho phép điều chỉnh một số loại giá dịch vụ liên quan đến TTCK.

"Hiện, Bộ Tài chính đã đồng ý về mặt chủ trương việc sẽ giảm giá một số dịch vụ chứng khoán theo đề xuất của UBCKNN. Trước mắt sẽ giảm 4 loại giá dịch vụ trên TTCK phái sinh tại VSD về mức hợp lý. Các loại giá dịch vụ khác trên thị trường chúng tôi sẽ tiếp tục xem xét và xin ý kiến Bộ chỉ đạo thực hiện khi cần thiết, nhằm hỗ trợ kịp thời nhất cho nhà đầu tư và thị trường" – ông Trần Văn Dũng cho biết và nhấn mạnh.

Theo Chủ tịch UBCKNN, việc giảm giá dịch vụ trong bối cảnh hiện nay hợp lý và cần thiết để hỗ trợ thị trường, góp phần ổn định tâm lý của nhà đầu tư, phù hợp với tinh thần Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 4/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19.

Cũng theo ông Trần Văn Dũng, để hỗ trợ kịp thời nhất cho thị trường và nhà đầu tư, việc soạn thảo và ban hành Thông tư sửa đổi về việc giảm giá dịch vụ chứng khoán lần này sẽ thực hiện theo thủ tục rút gọn. Vì vậy, Thông tư này sẽ được ban hành sớm nhất, có thể là trong tuần này và có hiệu lực ngay kể từ ngày ký.

Ngày hôm qua, NHNN đã hạ một loạt lãi suất điều hành, bao gồm: Lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6% xuống 5%; lãi suất OMO giảm từ 4% xuống 3,5%; trần lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1 tháng đến dưới 6 tháng giảm từ 5% xuống 4,75%; lãi suất cho vay các lĩnh vực ưu tiên từ 6% xuống 5,5%; lãi suất tiền gửi dự trữ bắt buộc là 1%...

Tin doanh nghiệp niêm yết

Petrolimex tạm ứng cổ tức 20% bằng tiền

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex, HoSE: PLX) vừa phê duyệt lộ trình chi trả cổ tức năm 2019. Theo đó, tập đoàn sẽ tạm ứng cổ tức với tỷ lệ 20% (1 cổ phiếu được nhận 2.000 đồng). Với hơn 1,17 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, số tiền dự chi là gần 2.342 tỷ đồng.

Petrolimex dự kiến nộp hồ sơ trả cổ tức lên Trung tâm Lưu ký chứng khoán (VSD) vào 19/3. Ngày đăng ký cuối cùng là 31/3 và thời gian chi trả vào 27/4.

Tập đoàn cũng thống nhất thanh toán phần cổ tức còn lại với tỷ lệ 10%, phương án chi trả sẽ được thực hiện sau thời điểm kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên, khi cổ đông thông qua các nghị quyết.

Petrolimex là doanh nghiệp có mức chi trả cổ tức bằng tiền mặt rất ổn định trên thị trường với tỷ lệ 26% cho năm 2018, tỷ lệ 30% cho năm 2017 hay 32,24% cho năm 2016.

Năm 2019, Petrolimex tiếp tục giữ vị trí quán quân doanh thu trong khối doanh nghiệp niêm yết với 189.642 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế tăng 13,5% lên mức 4.772 tỷ đồng, trong đó LNST công ty mẹ là 4.253 tỷ đồng tương đương EPS đạt 3.051 đồng.

FPT báo lãi ròng 2 tháng đầu năm đạt 452 tỷ đồng, tăng 17%

Theo thông tin từ CTCP FPT (HoSE: FPT) kết thúc 2 tháng đầu năm 2020, doanh thu hợp nhất và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 4.182 tỷ đồng và 698 tỷ đồng, tăng 18,4% và 22,4% so với năm 2018, lần lượt tương đương 99% và 102% kế hoạch lũy kế. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế được cải thiện so cùng kỳ, đạt 16,7% (năm 2019 đạt 16,1%). Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ tăng 17% và đạt 452 tỷ đồng.

Thị trường nước ngoài mang về 1.877 tỷ đồng doanh thu, tăng 26,4%, và 256 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 26,1% so với cùng kỳ. Tỷ trọng doanh thu và lợi nhuận thị trường nước ngoài đóng góp vào kết quả hợp nhất đạt 45% và 37% (năm 2018 là 42% và 36%).

Lợi nhuận trước thuế khối công nghệ đạt 235 tỷ đồng, tăng trưởng 36,9%, chủ yếu đến từ thị trường nước ngoài. Mảng dịch vụ công nghệ thông tin trong nước đi ngang trong khi tại nước ngoài, doanh thu và lợi nhuận trước thuế tăng 31,4% và 32,2% so với cùng kỳ. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế đạt 13,3%, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2019 (13,2%).

Trong 2 tháng đầu năm 2020, thị trường châu Âu và thị trường châu Á - Thái Bình Dương (APAC) là điểm sáng khi lần lượt tăng trưởng 41% và 84% so với cùng kỳ. Thị trường Mỹ tăng ở mức 38%. Thị trường Nhật Bản đạt tốc độ tăng 17%, tương đương năm 2019.

Về khối viễn thông, doanh thu đạt 1.762 tỷ đồng, tăng trưởng 12,3%, chủ yếu đến từ dịch vụ viễn thông. Mảng dịch vụ ghi nhận doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt tăng 13,4% và 46,6% so với cùng kỳ. Tăng trưởng cao lợi nhuận của mảng này trong năm 2020 là do lợi nhuận những tháng đầu năm 2019 thấp khi tăng chi phí khuyến mại, marketing. Doanh thu cung cấp dịch vụ internet băng thông rộng tới các cá nhân và hộ gia đình ghi nhận tăng 11% so với cùng kỳ, đạt 1.065 tỷ đồng nhờ tăng trưởng tốt số lượng thuê bao internet.

Dịch vụ quảng cáo trực tuyến tăng trưởng âm, trong đó doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt giảm 12,7% và 17,8% so với cùng kỳ.

Ước lãi 2,7 triệu đồng/tấn mù cao su, TRC lên kế hoạch lợi nhuận 106 tỷ năm 2020

Công ty cao su Tây Ninh (HoSE: TRC) báo cáo năm 2019, diện tích khai thác cùng sản lượng tiêu thụ thấp hơn 10% trong khi giá bán tăng 2,4% nên tổng doanh thu

công ty đạt 407 tỷ đồng, giảm 15,2% so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế 97,5 tỷ đồng, giảm 32% dù hoạt động thanh lý vườn cây đem về nguồn thu 56 tỷ đồng.

HDQT Cao su Tây Ninh nhìn nhận năm nay được dự báo sẽ còn rất nhiều khó khăn, diễn biến khó lường với nền kinh tế. Do đó, kế hoạch kinh doanh 2020 gồm sản lượng tiêu thụ 9.100 tấn cao su, trong đó xuất khẩu 2.520 tấn và nội tiêu 6.580 tấn. Với giá bán bình quân dự kiến 32,96 triệu đồng/tấn, công ty lên kế hoạch doanh thu 390 tỷ và lợi nhuận trước thuế 106 tỷ đồng cho năm 2020, lần lượt giảm 4% và tăng 9%. Mỗi tấn mù cao su bán ra, công ty dự kiến lãi 2,71 triệu đồng giảm so với mức lãi 3,6 triệu đồng năm trước.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DRC	Mua	18/3/2020	18.6	18.6	0.0%	20.9	12%	17.3	-7%	Cổ phiếu có tín hiệu phục hồi từ vùng quá bán mạnh

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	PVS	Mua	17/3/2020	11.10	10.80	2.8%	13.0	20%	9.9	-8%	
2	DGC	Mua	17/3/2020	22.50	22.80	-1.3%	27.0	18%	21.0	-8%	
3	SZC	Mua	16/3/2020	14.90	14.10	5.7%	16.0	13%	13.2	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 17/03/2020								Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CDPM2001	1,000	270	22.73 %	-73%	12,612	94	11,600	0	KIS	DPM	14,567	2	19/06/2020
CDPM2002	1,700	1,450	13.28 %	-15%	3,422	274	11,600	178	KIS	DPM	15,252	1	16/12/2020
CFPT1905	9,900	980	10.11 %	-90%	2,617	36	48,500	0	SSI	FPT	55,000	1	22/04/2020
CFPT1906	1,700	80	-11.11 %	-95%	6,452	22	48,500	(0)	HSC	FPT	57,000	5	08/04/2020
CFPT1908	3,150	860	0 %	-73%	32,546	92	48,500	20	MBS	FPT	54,000	3	17/06/2020
CFPT2001	1,600	530	32.5 %	-67%	1,367	97	48,500	3	HCM	FPT	56,000	5	22/06/2020
CFPT2002	2,900	960	-8.57 %	-67%	62	127	48,500	16	VCI	FPT	58,000	2	22/07/2020
CGMD1901	1,680	50	25 %	-97%	1,101	42	16,400	(0)	MBS	GMD	24,929	3	28/04/2020
CGMD2001	1,000	90	50 %	-91%	3,176	97	16,400	0	HCM	GMD	25,000	4	22/06/2020
CHDB2001	2,000	450	9.76 %	-78%	86	94	21,200	0	KIS	HDB	29,099	2	19/06/2020
CHDB2002	1,950	250	25 %	-87%	3,725	24	21,200	(0)	MBS	HDB	26,000	2	10/04/2020
CHDB2003	2,700	790	-18.56 %	-71%	900	274	21,200	10	KIS	HDB	32,123	2	16/12/2020
CHPG1907	4,200	570	-5 %	-86%	8,900	36	19,200	0	SSI	HPG	21,000	1	22/04/2020
CHPG1909	1,800	210	5 %	-88%	14,319	59	19,200	0	KIS	HPG	24,680	2	15/05/2020
CHPG2001	1,800	310	0 %	-83%	390	105	19,200	1	HCM	HPG	24,000	2	30/06/2020
CHPG2002	1,700	730	1.39 %	-57%	1,275	274	19,200	18	KIS	HPG	29,999	2	16/12/2020
CHPG2003	1,570	300	11.11 %	-81%	31,313	48	19,200	0	MBS	HPG	22,100	3	04/05/2020
CMBB1903	4,000	200	-41.18 %	-95%	7,289	36	16,700	(0)	SSI	MBB	22,000	1	22/04/2020
CMBB1905	1,700	50	0 %	-97%	31,440	22	16,700	(0)	HSC	MBB	23,000	2	08/04/2020
CMBB2001	1,600	270	12.5 %	-83%	5,977	97	16,700	0	HCM	MBB	21,000	2	22/06/2020
CMSN1902	3,000	100	-33.33 %	-97%	3,251	59	49,500	(0)	KIS	MSN	77,889	5	15/05/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMSN2001	2,300	1,290	3.2 %	-44%	1,328	274	49,500	140	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMWG1907	1,900	40	33.33 %	-98%	57,621	22	77,300	(0)	HSC	MWG	125,000	10	08/04/2020
CMWG2001	1,700	140	100 %	-92%	7,344	97	77,300	0	HCM	MWG	115,000	10	22/06/2020
CMWG2002	1,950	230	-4.17 %	-88%	25,599	115	77,300	0	MBS	MWG	110,000	10	10/07/2020
CMWG2003	1,530	70	40 %	-95%	520	38	77,300	(0)	MBS	MWG	114,500	10	24/04/2020
CNVL2001	2,300	-	0 %	-100%	-	274	51,500	75	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CPNJ2001	2,200	160	33.33 %	-93%	4,996	38	57,000	(0)	MBS	PNJ	83,500	5	24/04/2020
CREE1903	7,600	530	112 %	-93%	3,036	36	29,900	0	SSI	REE	36,000	1	22/04/2020
CREE1905	2,150	560	30.23 %	-74%	5,437	92	29,900	3	MBS	REE	34,600	3	17/06/2020
CREE2001	1,100	250	19.05 %	-77%	26,905	97	29,900	0	HCM	REE	36,000	5	22/06/2020
CROS2001	1,500	50	0 %	-97%	25,042	94	4,930	(0)	KIS	ROS	26,468	4	19/06/2020
CSBT2001	2,900	1,560	-0.64 %	-46%	2,000	274	15,100	4	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2001	1,500	1,070	7 %	-29%	35,153	92	10,200	28	KIS	STB	10,999	1	17/06/2020
CSTB2002	1,700	1,840	8.24 %	8%	2,491	274	10,200	211	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CTCB1902	5,300	920	0 %	-83%	25,849	80	17,950	0	VND	TCB	21,000	1	05/06/2020
CTCB2001	1,700	260	36.84 %	-85%	252	97	17,950	0	HCM	TCB	23,000	2	22/06/2020
CVHM1902	18,600	610	52.5 %	-97%	2,327	36	69,900	0	SSI	VHM	85,000	1	22/04/2020
CVHM2001	3,100	-	0 %	-100%	-	274	69,900	64	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVIC1902	22,700	370	5.71 %	-98%	724	36	88,500	(0)	SSI	VIC	115,000	1	22/04/2020
CVIC1903	2,100	160	-5.88 %	-92%	5,503	59	88,500	0	KIS	VIC	123,000	10	15/05/2020
CVIC2001	3,800	2,180	36.25 %	-43%	26	274	88,500	1	KIS	VIC	126,468	5	16/12/2020
CVJC1902	27,900	340	54.55 %	-99%	5,571	36	101,700	(0)	SSI	VJC	130,000	1	22/04/2020
CVJC2001	2,400	-	0 %	-100%	-	274	101,700	0	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVNM1902	1,900	40	0 %	-98%	16,005	9	96,000	-	HSC	VNM	133,333	10	26/03/2020
CVNM1903	26,600	900	0 %	-97%	455	36	96,000	(0)	SSI	VNM	120,000	1	22/04/2020
CVNM1904	1,900	30	-25 %	-98%	19,346	22	96,000	(0)	HSC	VNM	133,000	10	08/04/2020
CVNM1905	2,500	70	-12.5 %	-97%	845	42	96,000	(0)	MBS	VNM	126,800	10	28/04/2020
CVNM2001	1,700	330	-2.94 %	-81%	1,189	97	96,000	0	HCM	VNM	118,983	10	22/06/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVNM2002	3,200	1,390	0 %	-57%	1	274	96,000	11	KIS	VNM	141,111	5	16/12/2020
CVPB2001	1,500	1,840	18.71 %	23%	11,036	97	21,500	905	HCM	VPB	20,000	2	22/06/2020
CVPB2002	1,000	710	-43.65 %	-29%	5,066	22	21,500	631	VPBS	VPB	20,300	2	08/04/2020
CVPB2003	2,200	4,000	-21.87 %	82%	100	127	21,500	629	VCI	VPB	22,000	1	22/07/2020
CVRE1902	1,300	50	0 %	-96%	5,736	22	22,100	(0)	HSC	VRE	32,500	4	08/04/2020
CVRE1903	2,700	80	-20 %	-97%	10,631	59	22,100	(0)	KIS	VRE	35,789	2	15/05/2020
CVRE2001	1,500	250	-24.24 %	-83%	2,100	(63)	22,100	(3,752)	KIS	VRE	36,789	4	14/01/2020
CVRE2002	1,400	170	54.55 %	-88%	2,497	97	22,100	0	HCM	VRE	32,000	4	22/06/2020
CVRE2003	3,000	800	-28.57 %	-73%	80	274	22,100	2	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
POW (New)	HOSE	8,850	16,100	13/03/2020	3,529	1,294	14,126	11%	7%	12.4	1.1	0%
HVN (New)	HOSE	21,200	21,300	13/03/2020	1,558	950	13,139	8%	2%	22.4	1.6	3%
TCB (New)	HOSE	17,950	24,500	12/03/2020	12,047	3,442	20,737	15%	3%	7.2	1.2	0%
FPT (New)	HOSE	48,500	52,300	11/03/2020	4,444	4,832	17,843	24%	12%	11.0	2.9	20%
ACB	HNX	21,100	27,100	02/03/2020	6,796	4,206	19,672	25%	2%	6.4	1.4	10%
NLG	HOSE	22,100	35,560	28/02/2020	1,108	4,261	24,839	18%	11%	6.1	1.0	1%
HPG	HOSE	19,200	24,000	27/02/2020	6,696	2,400	19,514	12%	6%	10.0	1.2	0%
MWG	HOSE	77,300	128,200	27/02/2020	4,835	10,664	35,484	30%	10%	12.0	3.6	15%
VJC	HOSE	101,700	120,000	18/02/2020	4,524	8,293	34,498	24%	7%	14.3	3.4	10%
DGW	HOSE	20,700	31,500	13/02/2020	202	4,837	26,814	18%	6%	6.5	1.2	5%
PNJ	HOSE	57,000	99,800	04/02/2020	1,492	6,624	24,291	27%	15%	15.1	4.1	8%
VPB	HOSE	21,500	27,500	16/01/2020	7,785	3,077	16,496	20%	2%	N/A	N/A	0%
TNG	HNX	13,200	18,400	15/01/2020	237	3,801	17,718	22%	8%	3.9	0.8	20%
VNM	HOSE	96,000	136,700	30/12/2019	10,682	5,865	16,278	40%	24%	20.7	7.4	50%
NVL	HOSE	51,500	64,475	27/12/2019	3,309	3,154	22,311	14%	5%	17.7	2.4	0%
VCB	HOSE	67,500	96,200	18/12/2019	19,925	5,372	23,779	26%	2%	7.4	1.8	0%
SBT	HOSE	15,100	19,660	11/12/2019	399	656	12,339	5%	2%	30.0	1.6	6%
GEG	HOSE	20,450	N/A	05/12/2019	267	1,060	11,512	10%	4%	N/A	N/A	7%
NLG	HOSE	22,100	35,000	22/11/2019	873	3,123	20,454	15%	8%	6.4	1.0	5%
MBB	HOSE	16,700	34,211	31/10/2019	9,094	3,898	20,207	20%	2%	8.9	1.7	0%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2019 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.